

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2024/HNGĐ-ST

Ngày 03-6-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Huy Du

Ông Đỗ Xuân Quyết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 104/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Hồng N; nơi cư trú: Tổ A (nay là số nhà A thuộc tổ G) phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

- **Bị đơn:** Anh Đoàn Tiến D; nơi cư trú: Suonionkatu 5C 76 Helsinki, Phần Lan; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng N trình bày:

Chị Nguyễn Hồng N và anh Đoàn Tiến D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/11/2023. Sau khi kết hôn vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, tuổi tác chênh lệch, khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình và bạn bè hòa giải nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể

giải quyết nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Tiến D.

Về con chung: Chị Nguyễn Hồng N và anh Đoàn Tiến D không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Hồng N tự thoả thuận với anh Đoàn Tiến D nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai đã được hợp pháp hóa lãnh sự, anh Đoàn Tiến D trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Tiến D và chị Nguyễn Hồng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/11/2023. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, tuổi tác chênh lệch, khoảng cách địa lý xa xôi, không tìm được tiếng nói chung. Hai bên gia đình và bạn bè đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn giữa hai anh chị nhưng không đạt kết quả. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D và chị N được ly hôn với nhau.

Về con chung: Anh Đoàn Tiến D và chị Nguyễn Hồng N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Đoàn Tiến D và chị Nguyễn Hồng N tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*- Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Hồng N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đoàn Tiến D. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn”. Nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng N hiện đang sinh sống tại Hải Phòng, bị đơn là anh Đoàn Tiến D hiện đang sinh sống tại Phần Lan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Hồng N, bị đơn là anh Đoàn Tiến D vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử

vắng mặt. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Hồng N, anh Đoàn Tiến D theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N và anh Đoàn Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng vào ngày 16/11/2023. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Nguyễn Hồng N và anh Đoàn Tiến D phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, tuổi tác chênh lệch, khoảng cách địa lý xa xôi, không tìm được tiếng nói chung. Nay, chị Nguyễn Hồng N yêu cầu xin ly hôn với anh D, anh D đồng ý. Xét thấy, chị N và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, nên cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Hồng N về việc xin ly hôn với anh Đoàn Tiến D.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Hồng N và anh Đoàn Tiến D cùng xác nhận anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Hồng N và anh Đoàn Tiến D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Hồng N và anh Đoàn Tiến D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hồng N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N được ly hôn anh Đoàn Tiến D.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Hồng N và anh Đoàn Tiến D cùng xác nhận anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Hồng N và anh Đoàn Tiến D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000320 ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Hồng N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Hồng N (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh Đoàn Tiến D (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Kiến An, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Thúy Hà**



